

Tp. Hồ chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO TUẦN 39
(từ ngày 19/9/2026 đến 25/9/2026)

I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2026

Diện tích phục vụ vụ Mùa năm 2026 đến ngày 25/9/2026 là: **16.407,5 ha** đạt 56% so với hợp đồng đặt hàng (vụ Mùa: 29.059,1 ha), cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 8.595,0 ha**
 - Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 7.143,0 ha;
 - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 547,6 ha;
 - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai Thai đến cầu BS : 69,6 ha;
 - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 138,1 ha;
 - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu : 568,8 ha;
 - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 127,9 ha.
- 2. Khu vực XNHM-BC quản lý : 2.261,3 ha.**
 - CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 1.762,5 ha.
 - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Nam rạch Tra : 2.860,7 ha.**
 - CTTL Bắc rạch Tra : 796,2 ha;
 - CTTL Nam rạch Tra : 1.694,1 ha;
 - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 241,4 ha;
 - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 129,0 ha.
- 4. Khu vực Thủ Đức : 2.690,5 ha;**
 - CT tiêu thoát nước Suối Nhum : 771,2 ha;
 - CT 05 công ngăn triều quận Thủ Đức : 1.919,3 ha.

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 19/9/2026 đến ngày 25/9/2026: 8.188.850 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
19/9/2026	13,74	13,40	0,9	10,92	943.091	3,30	285.229
20/9/2026	13,64	13,34	0,9	10,25	885.879	3,03	261.744
21/9/2026	13,62	13,34	0,9	9,91	855.841	2,93	253.433
22/9/2026	13,65	13,36	0,9	10,08	870.990	3,03	261.744
23/9/2026	13,69	13,38	0,9	10,42	900.523	3,30	285.229
24/9/2026	13,76	13,48	0,9	9,91	855.841	3,36	290.342
25/9/2026	13,76	13,42	0,9	10,92	943.091	3,42	295.873
Tổng cộng					6.255.256		1.933.594

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 01/12/2025 đến 25/9/2026 là **341,48** triệu m³, bằng 102,89% so cùng kỳ và bằng 90,820% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 260,95 triệu m³, K0 – N25: 80,53 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông: Độ đục dao động từ (20,0÷34,8) NTU và pH dao động từ (7,01÷7,28).

3. Mục nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (20,81÷21,56)m

	Mức nước năm 2026(m)	Mức nước năm 2025 (m)
19/9/2026	20,81	21,59
20/9/2026	20,82	21,63
21/9/2026	20,99	21,63
22/9/2026	21,09	21,64
23/9/2026	21,29	21,70
24/9/2026	21,44	21,77
25/9/2026	21,56	21,82

4. Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2026 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	117	983
2	N25-2	111	941
3	N31A (K0)	69	916
4	Trung An	130	969
5	K9-N46	106	950
6	An Phú	190	1.025
7	Thai Thai - Bến Súc	59	694
8	Xí nghiệp HM-BC	121	868
9	Cụm T10	92	984
10	Cụm kênh C	211	940
11	Gò Dưa	183	994
12	Ông Đụng	154	1.031
13	Ba Thôn	139	1.056

5.Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Cổng Gò Dưa : + 1,34 m
- + Cổng Ba Thôn : + 1,29 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 1,06 m
- + Cổng kênh C : + 1,32 m
- + Cổng An Hạ : + 1,00 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH	
		PS	PĐ
1	Cổng Tân Kiên	6,91	6,98
2	Cổng kênh C	6,88	6,96
3	Cổng kênh B	7,05	6,89
4	Cổng kênh A	6,82	6,61
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,49	
6	Cổng cuối kênh Ranh	6,68	
7	Cổng An Hạ	6,71	6,69
8	Cổng T10	6,46	

III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cổng ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cổng Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.